

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thu.

Ông Nguyễn Vinh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm X, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn V; sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm X, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/7/2016. Sau ngày cưới vợ chồng sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị rượu chè, bạo lực, vợ chồng hay cãi vã nhau và to tiếng lằng lòi với nhau. Đến tháng 4/2019 thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định không còn

tình cảm với anh V, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Phạm Gia Kh, sinh ngày 27/12/2016. Hiện nay cháu Kh đang ở với anh V. Nguyện vọng của chị là để anh V nuôi con và nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ mỗi tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Đoàn Văn V trình bày: Anh thừa nhận về việc kết hôn, con chung như chị Phạm Thị Th trình bày. Hiện nay con chung là cháu Kh đang ở với anh, khi ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ mỗi một tháng.

Kết quả xác minh tại UBND xã A thấy: Đương sự trình bày cơ bản là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Đoàn Văn V; giao cháu Đoàn Phạm Gia Kh, sinh ngày 27/12/2016 cho anh Đoàn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng; chị Phạm Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Đoàn Văn V kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh V không có hạnh phúc. Chị Th có đơn khởi kiện ly hôn, anh V không tham gia hòa giải nhưng nhất trí ly hôn; cả hai đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, đủ cơ sở công nhận thuận tình ly hôn Phạm Thị Th đối với anh Đoàn Văn V, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về việc nuôi con: Xác định chị Phạm Thị Th và anh Đoàn Văn V có 1 con chung là Đoàn Phạm Gia Kh, sinh ngày 27/12/2016. Căn cứ vào kết quả xác minh, nguyện vọng, điều kiện nuôi con của các đương sự; đủ cơ sở giao cháu Đoàn Phạm Gia Kh, sinh ngày 27/12/2016 cho anh Đoàn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V là 1.500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2020 là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Th là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn; chị Phạm Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Đoàn Văn V.

2. Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Đoàn Phạm Gia Kh, sinh ngày 27- 12- 2016 cho anh Đoàn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng; chị Phạm Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đoàn Văn V là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng, kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; chị Phạm Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Đoàn Văn V cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, chị Phạm Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003678 ngày 26-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Phạm Thị Th còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên